

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1970/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 8 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu
việc làm tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2006/NQ-HĐND ngày 08/7/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa X Kỳ họp thứ 9 về Chương trình mục tiêu giảm nghèo; Việc làm và Đề án hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho hộ gia đình có công với cách mạng và hộ nghèo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 646/SLĐTBXH-LĐVL ngày 07/8/2006 về việc đề nghị ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu về việc làm tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu việc làm tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010 (Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Chương trình đạt mục tiêu đề ra.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục - Đào tạo, Công nghiệp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủy sản, Thương mại - Du lịch; Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Quảng Ngãi; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH
Nguyễn Xuân Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Chương trình mục tiêu việc làm tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010

*(Kèm theo Quyết định số 1970 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2006
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

I. Mục tiêu, thời gian và phạm vi của Chương trình

1. Mục tiêu tổng quát

- Tạo việc làm mới và đảm bảo việc làm cho người có khả năng lao động và có nhu cầu làm việc; giúp cho người lao động chưa có việc làm sớm có việc làm; người thiếu việc làm hoặc có việc làm không ổn định, hiệu quả thấp thêm việc làm hoặc có việc làm ổn định mang lại hiệu quả cao hơn.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm tỷ lệ lao động trong nông nghiệp tăng tỷ lệ lao động trong công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

2. Mục tiêu cụ thể

Mỗi năm tạo việc làm mới và thêm việc làm cho từ 33.000 lao động trở lên, trong đó tạo chỗ làm việc mới cho từ 16.000 - 18.000 lao động. Phân đầu mỗi năm giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị từ 0,2 - 0,3% để đến cuối năm 2010 tỷ lệ này còn khoảng 3,3 - 3,8%. Nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn đến năm 2010 là 82%. Phân đầu đến năm 2010 đưa từ 2.000 - 2.500 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

3. Thời gian và phạm vi thực hiện Chương trình

3.1- Thời gian: Bắt đầu từ năm 2006 và kết thúc vào năm 2010.

3.2- Phạm vi: Chương trình hoạt động trên phạm vi cả tỉnh.

II. Nội dung hoạt động của Chương trình

1. Phát triển kinh tế - xã hội để tạo mở việc làm

1.1- Tập trung thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội để tạo việc làm mới và thêm việc làm cho người lao động, phân theo các nhóm ngành cụ thể: Công nghiệp - Xây dựng: 4.820 người; Dịch vụ - Thương mại: 7.130 người; Nông nghiệp: 21.050 người.

1.2- Số lao động được giải quyết việc làm mới và thêm việc làm bình quân hàng năm, phân theo lĩnh vực và địa bàn làm việc:

- Khu kinh tế Dung Quất: 4.000 lao động;
- Các Khu công nghiệp tỉnh: 2.500 lao động;
- Các Công ty, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế nằm ngoài Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp: 5.000 lao động;
- Xuất khẩu lao động: 500 lao động;
- Thông qua Chương trình cho vay Quỹ Quốc gia về việc làm (kể cả nguồn quỹ Trung ương và của tỉnh): 10.000 lao động;
- Các chương trình, dự án khác: 8.500 lao động;
- Các đơn vị hành chính sự nghiệp: 400 lao động;
- Lao động có việc làm ổn định ngoài tỉnh : 2.000 lao động.

1.3- Về giải pháp chung cần tập trung thực hiện như sau:

- Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đưa tỷ trọng kinh tế trong GDP của ngành công nghiệp đến năm 2010 lên đến 62 - 63%; dịch vụ - thương mại 22 - 23%; nông, lâm, ngư nghiệp từ 15 - 16%.

- Phát triển những ngành sử dụng lao động có trình độ kỹ thuật cao, đồng thời duy trì những ngành nghề truyền thống có khả năng thu hút lao động và sản phẩm được thị trường ưa chuộng.

- Có chính sách ưu đãi để thu hút vốn đầu tư và khuyến khích doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động tại chỗ; đồng thời có chính sách thoả đáng về hỗ trợ di dời tái định cư và tạo việc làm mới cho người lao động có đất ở và đất sản xuất nông nghiệp chuyển đổi mục đích sử dụng theo đúng Chỉ thị số 11/2006/CT-TTg ngày 27/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ về giải pháp hỗ trợ dạy nghề và việc làm cho lao động vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp.

- Hoàn chỉnh việc sắp xếp doanh nghiệp nhà nước, sử dụng hợp lý công nghệ để thu hút nhiều lao động.

- Thúc đẩy phát triển nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế; khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, doanh nghiệp vừa và nhỏ để tự giải quyết việc làm hoặc thu hút lao động tại chỗ, tăng thời gian lao động ở nông thôn lên mức cao.

1.4- Thực hiện quy hoạch và phát triển các nhóm ngành sau:

- *Về công nghiệp:*

+ Tập trung thúc đẩy sự phát triển của Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu Công nghiệp của tỉnh; hình thành, phát triển Khu Công nghiệp Phô Phong. Đối với Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu Công nghiệp của tỉnh, bên cạnh việc phát triển những ngành đòi hỏi kỹ thuật cao như lọc hóa dầu, đóng tàu biển, luyện cán thép v.v..., cần khuyến khích và thu hút những ngành sử dụng nhiều lao động như: may mặc, chế biến đường và sản phẩm sau đường; chế biến tinh bột mì, thủy hải sản, súc sản và các ngành phụ trợ phục vụ các Khu Công nghiệp của tỉnh và Khu Kinh tế Dung Quất.

+ Bên cạnh việc phát triển Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu Công nghiệp tỉnh, tiến hành xúc tiến đầu tư để hình thành, mở rộng và phát triển các cụm công nghiệp nhỏ và vừa, các làng nghề, phố nghề ở các huyện, thành phố để giải quyết việc làm mới và thêm việc làm tại chỗ và chuyển đổi nghề phù hợp cho người lao động, vừa góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo xu hướng tích cực.

- *Về nông nghiệp nông thôn:* Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển đa ngành, đa lĩnh vực, gắn chế biến với tiêu thụ sản phẩm; tạo chuyển biến về chất trong sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, bảo đảm phát triển bền vững và hiệu quả theo các hướng như sau:

+ Hướng mạnh vào việc hình thành và mở rộng, nâng cao chất lượng các vùng nguyên liệu tập trung như mì, mía, điều ghép..., vùng trồng cây ăn quả (cam, bưởi, xoài...) và rau sạch.

+ Bên cạnh việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, nhất là giao thông, thủy lợi, hệ thống điện, chợ theo hướng đô thị hóa nông thôn, cần phát triển các cụm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng công nghiệp sử dụng nguyên liệu tại chỗ; quy hoạch và phát triển làng nghề, dịch vụ, thương mại và chế biến nông, lâm, thủy sản kết hợp với mở rộng kinh tế trang trại để tăng thời gian lao động và cải thiện đời sống ở nông thôn.

+ Thực hiện quy hoạch tổng thể và chuyển đổi mô hình sản xuất, quản lý của các nông, lâm trường; tăng diện tích và đổi mới phương thức giao và quản lý đất rừng sản xuất cho nhân dân.

+ Tập trung phát triển đàn gia súc, gia cầm; phát triển đàn bò lai Sind, kết hợp chăn nuôi ở trang trại với phát triển chăn nuôi ở hộ gia đình.

+ Phát triển đồng bộ về nuôi trồng và khai thác gắn với chế biến thủy sản; phát triển mô hình nuôi tôm trên cát.

- *Về thương mại - dịch vụ và du lịch:*

+ Tăng cường xúc tiến thương mại, tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia để phát triển nhanh các loại hình dịch vụ, đa dạng hóa các loại hình du lịch, tạo môi trường hấp dẫn thu hút khách du lịch nhằm đẩy mạnh sự phát triển các cơ sở dịch vụ phục vụ cho du lịch để tạo việc làm cho người lao động.

+ Xây dựng một số siêu thị, trung tâm thương mại ở thành phố Quảng Ngãi để tạo việc làm mới và thêm việc làm cho người lao động.

2. Thực hiện đồng bộ hệ thống các giải pháp hỗ trợ trực tiếp

2.1- Tập trung phát triển nguồn nhân lực

a- Với mục tiêu tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo, có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, trước hết cần phổ cập nghề cho lao động phổ thông, đặc biệt là lao động nông thôn và lao động trẻ ở khu vực thành thị để có khả năng đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, tăng cơ hội và khả năng lựa chọn, tìm kiếm việc làm theo hướng sau đây:

- Tăng cường công tác hướng nghiệp, dạy nghề cho học sinh phổ thông:

+ Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất của các Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp

- Hướng nghiệp ở các huyện, thành phố do Sở Giáo dục - Đào tạo quản lý.

+ Đổi mới phương thức dạy và học nghề tại các Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp - Hướng nghiệp phù hợp với lứa tuổi và sở trường của từng học sinh; có sự kết hợp giữa học lý thuyết với thao tác thực tế, giữa lý thuyết các môn trong học nghề với các môn học phổ thông để bổ sung kiến thức cho học sinh.

+ Có biện pháp giáo dục, định hướng, giúp đỡ để học sinh nhận thức đầy đủ về trình độ, khả năng và sở trường của bản thân nhằm tạo điều kiện để các em lựa chọn học nghề phù hợp hoặc hình thức học khác ở trình độ cao hơn sau khi đã hoàn thành chương trình học văn hóa phổ thông, đảm bảo có việc làm trong tương lai phù hợp với khả năng và sở trường.

- Tăng cường giáo dục làm thay đổi nhận thức của người lao động về học nghề như: ưu tiên tuyển dụng lao động có tay nghề từ bậc cao đến bậc thấp, áp dụng

phương thức trả lương thỏa đáng cho người lao động trực tiếp sản xuất theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động.

- Quy hoạch và đầu tư phát triển mạng lưới các trường, trung tâm đào tạo nghề về cơ sở vật chất kỹ thuật, bộ máy quản lý và đội ngũ giáo viên; hình thành một số Trung tâm dạy nghề ở một số huyện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động theo học nghề.

- Tiếp tục phát triển mạng dạy nghề của Trường Cao đẳng công đồng và thành lập Trường Cao đẳng nghề do Hàn Quốc tài trợ; xây dựng, nâng cấp Trung tâm dạy nghề của tỉnh thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Trung tâm Dạy nghề huyện Đức Phổ thành Trường trung cấp nghề để hình thành mạng lưới các cơ sở đào tạo nghề trong tỉnh theo hướng đào tạo nhiều ngành, nhiều nghề, nhiều lĩnh vực với trình độ tay nghề kỹ thuật cao đáp ứng nhu cầu lao động có kỹ thuật của thị trường lao động.

- Khuyến khích việc kèm cặp, bổ túc tay nghề tại các doanh nghiệp; có chính sách hỗ trợ về tài chính để các doanh nghiệp tiếp nhận lao động là người tàn tật và lao động phổ thông để đào tạo nghề trước khi sử dụng.

- Khuyến khích thành lập các trường, cơ sở dạy nghề tư nhân để dạy những nghề truyền thống, những nghề có tính chất đặc thù gắn với nhu cầu của thị trường lao động; ưu tiên dạy nghề cho người có đất nông nghiệp chuyển đổi mục đích sử dụng và người dân vùng di dời tái định cư.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc dạy, kèm cặp, bổ túc nghề của các trường, trung tâm, doanh nghiệp và cá nhân về số lượng, chất lượng người học nghề để có định hướng chỉ đạo cụ thể trong việc tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động.

- Triển khai đồng bộ và có hiệu quả các Chương trình xã hội khác có liên quan đến phát triển nguồn nhân lực như: y tế, giáo dục, dân số và kế hoạch hóa gia đình, môi trường, vệ sinh an toàn lao động...

b- Đi đôi với việc đào tạo và nâng cao tay nghề cho người lao động cần đặc biệt quan tâm giáo dục đạo đức nghề nghiệp, rèn luyện tác phong công nghiệp và ý thức tổ chức kỷ luật, tôn trọng quy trình sản xuất và công nghệ trên cơ sở tuân thủ các quy định của Bộ Luật Lao động trước khi người lao động tham gia thị trường lao động.

2.2- Cho vay từ Quỹ Quốc gia về việc làm

Phần đầu trong giai đoạn 2006 - 2010 cho vay từ 50 - 55 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn do Trung ương bổ sung mới từ 15 - 17 tỷ đồng, qua đó mỗi năm tạo chỗ làm việc mới từ 5.000 - 6.000 lao động và thêm việc làm cho 8.000 lao động. Để thực hiện mục tiêu này, cần phải có các giải pháp sau đây:

- Thực hiện có hiệu quả việc cho vay theo quy định tại Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn vay của Quỹ Quốc gia về việc làm và cơ chế phân cấp cho UBND các huyện, thành phố quyết định cho vay các dự án từ 100 triệu đồng trở xuống; tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn, hiệu quả tạo việc làm cho người lao động của các dự án.

- Ưu tiên xét duyệt cho vay các dự án đầu tư vào các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống, chế biến nông, lâm, thủy hải sản; các dự án nuôi trồng các loại cây, con mang tính hàng hóa, tạo ra nhiều chỗ làm việc mới và phục vụ cho việc chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2.3- Dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm

Phần đầu hàng năm tư vấn về việc làm, học nghề và pháp luật lao động cho khoảng 10.000 lượt người lao động, giới thiệu việc làm cho khoảng 2.500 lao động. Để thực hiện Chương trình mục tiêu này cần thực hiện các giải pháp như sau:

- Quy hoạch, thành lập mới và thành lập lại các Trung tâm Giới thiệu việc làm và doanh nghiệp chuyên giới thiệu việc làm theo quy định tại Nghị định số 19/2005/NĐ-CP ngày 28/02/2005 của Chính phủ về quy định điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm.

- Phát triển Trung tâm Giới thiệu việc làm của tỉnh và Trung tâm Dạy nghề và Giới thiệu việc làm của các Hội, Đoàn thể tỉnh về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, hình thành hệ thống các điểm vệ tinh (Chi nhánh của các Trung tâm) tại một số huyện để tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tiếp cận nhanh và nhiều thông tin về thị trường lao động.

- Các Trung tâm giới thiệu việc làm trên địa bàn tăng cường quan hệ với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế để nắm bắt nhu cầu, kế hoạch tuyển dụng lao động nhằm xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động và giới thiệu việc làm cho người lao động.

- Các Trung tâm dạy nghề thực hiện hiệu quả việc gắn công tác dạy nghề với giới thiệu việc làm cho người học nghề theo quy định tại Quyết định số 775/2001/QĐ-BLĐTBXH ngày 09/8/2001 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tạo điều kiện cho người lao động học nghề xong có được việc làm phù hợp.

2.4- Xuất khẩu lao động

Xuất khẩu lao động là một hoạt động kinh tế góp phần phát triển nguồn nhân lực trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và tăng thu ngoại tệ cho đất nước. Mục tiêu giai đoạn 2006 - 2010, phấn đấu mỗi năm đưa từ 400 - 500 người đi xuất khẩu lao động, trong đó 70% là thị trường Malaysia, còn lại là Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan v.v... Để thực hiện mục tiêu này trong những năm đến tập trung thực hiện các vấn đề sau đây:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội liên hệ chặt chẽ với Cục Quản lý lao động ngoài nước (thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) để tranh thủ các chỉ tiêu đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài ở các thị trường có chi phí tài chính thấp và mức lương phù hợp.

- UBND các huyện, thành phố (Phòng Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội làm tham mưu) tăng cường và thường xuyên quan hệ với các doanh nghiệp được phép làm nhiệm vụ xuất khẩu lao động để tranh thủ các chỉ tiêu xuất khẩu lao động cho địa phương.

- Các Trường, Trung tâm dạy nghề cần đa dạng hóa ngành nghề đào tạo, tạo nguồn lao động có chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động ở nước ngoài để đưa đi xuất khẩu lao động.

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ tài chính cho người lao động học ngoại ngữ, giáo dục định hướng, đào tạo nghề; cho vay vốn đối với người lao động được tuyển chọn đi xuất khẩu lao động theo quy định của Nhà nước.

2.5- Thực hiện các chính sách hỗ trợ và khuyến khích

- Thực hiện hỗ trợ kinh phí hợp lý cho các cơ sở sản xuất kinh doanh có tổ chức dạy nghề gắn với tạo việc làm cho người lao động; duy trì chính sách về hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động tại doanh nghiệp trong và ngoài các khu công nghiệp của tỉnh, Khu kinh tế Dung Quất; miễn giảm lệ phí dịch vụ tư vấn và giới thiệu việc làm cho đối tượng thuộc gia đình có công với cách mạng, đồng bào dân tộc ít người và hộ nghèo.